

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/DS-ST

Ngày: 24/10/2022

“V/v Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Ông Trần Văn Chánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Huy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 806/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1079/2022/QĐST-DS ngày 26/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; Địa chỉ: 77/Q1, khu phố 1, phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968; Địa chỉ: 33/G tổ 17, khu phố 1, phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN (Theo giấy ủy quyền ngày 04/01/2021) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 14, khu phố M, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các bản khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:***

Ngày 22/7/2019, bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1986; Địa chỉ: khu phố M, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN có vay của tôi số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), có làm giấy vay tiền nhưng không ghi thời gian trả và lãi suất. Hai bên thoả thuận là cuối tháng 12/2019 T sẽ trả hết số tiền vay cho tôi nhưng cuối năm 2019 T cố tình trốn tránh không trả tiền vay cho tôi, từ đó cho đến nay tôi có đến nhà T nhiều lần để gặp T để yêu cầu trả nợ nhưng không gặp T mà chỉ gặp mẹ T. Việc T không trả số tiền vay gốc trên cho tôi đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của tôi.

Theo đơn khởi kiện và bản khai có tại hồ sơ nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải trả cho tôi (Nguyễn Thị V) số tiền nợ vay là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng). Trong đó, tiền gốc là 40.000.000đ; tiền lãi là 6.000.000đ (tính từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2020).

Nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải trả cho tôi (Nguyễn Thị V) số tiền nợ vay gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày tại hồ sơ và tại phiên tòa.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án dân sự đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Thủy T phải có trách nhiệm trả tiền nợ vay cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị V tổng số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất đối với số tiền trên nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 14, khu phố M, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN phải có trách nhiệm trả tiền nợ vay cho nguyên đơn tổng số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Căn cứ vào khoản

3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 06/9/2022, xét đơn làm hợp lệ nên chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Về thời hiệu: Do đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên HĐXX không xem xét.

[2] Về nội dung:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các bản khai có tại hồ sơ nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải có trách nhiệm trả tiền nợ vay cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị V tổng số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà bà Nguyễn Thị V yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải có nghĩa vụ trả tiền vay gốc cho nguyên đơn số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng):

Theo giấy vay tiền ngày 22/7/2019 (giấy tập học sinh) do nguyên đơn cung cấp có tại hồ sơ (Bút lục số 03) thì bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T có vay của bà Nguyễn Thị V số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), hai bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thời hạn trả nợ vay là cuối tháng 12/2019. Đến hạn trả tiền, bà T cố tình trốn tránh không trả nợ vay cho bà V, mặc dù bà V đã nhiều lần liên lạc bằng điện thoại cũng như đến nơi cư trú của bà T để đòi nợ nhưng không được. Việc bà T không trả số tiền nợ vay nêu trên cho bà V là đã xâm phạm quyền và lợi ích của bà V theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 357, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải có nghĩa vụ trả tiền nợ vay gốc cho nguyên đơn số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

- Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất số tiền nợ trên đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T nên HĐXX không xét.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do. Theo biên bản xác minh tại Công an phường PT, thành phố BH ngày 16/6/2022 (Bút lục số 61) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Nhân khẩu Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1986 có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 14, khu phố M, phường PT, thành phố BH, tỉnh ĐN, hiện đang sinh sống tại địa phương”. Việc bị đơn không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp

pháp của bị đơn là tự tước bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải chịu án phí dân sơ thẩm của số tiền $40.000.000đ \times 5\% = 2.000.000đ$ (Hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải có nghĩa vụ trả tiền nợ vay cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị V số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007607 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn